

**BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẢO NGHIỆM ĐIỆN HẠP VỤ 1****1. Tên giống khảo nghiệm:**

STT	Tên Giống
1	HẠT GIỐNG CẢI BỆ DƯA NO.1
2	HẠT GIỐNG CẢI BỆ DƯA NO.2
3	HẠT GIỐNG CẢI BỆ DÚN PN 812
4	HẠT GIỐNG CẢI BỆ DÚN PN 912
5	HẠT GIỐNG CẢI BỆ MÀO GÀ PN 710
6	HẠT GIỐNG CẢI BỆ MÀO GÀ PN 711
7	HẠT GIỐNG CẢI RỔ PN 715
8	HẠT GIỐNG CẢI LÀN THÂN MẬP PN 03

**2. Số giống khảo nghiệm: 08****3. Vụ: Tháng 08-10/2021****4. Phương pháp khảo nghiệm:** Áp dụng Tiêu chuẩn cơ sở TCCS 03:2021/PNS của Công ty TNHH Giống Cây Trồng Phú Nông.**5. Điểm khảo nghiệm:**

TT	Vùng khảo nghiệm	Cơ sở khảo nghiệm	Địa điểm
1	Trung du miền núi phía Bắc	Công ty tự khảo nghiệm	X.Nghĩa Hòa, H.Lạng Giang, T.Bắc Giang
2	Đồng bằng sông Hồng	Công ty tự khảo nghiệm	P. Võ Cường, TP. Bắc Bình, T.Bắc Ninh
3	Bắc Trung Bộ	Công ty tự khảo nghiệm	X.Thanh Liên, H.Thanh Chương, T.Nghệ An
4	Duyên hải Nam Trung Bộ	Công ty tự khảo nghiệm	X.Diên Sơn, H.Diên Khánh, T.Khánh Hòa
5	Tây Nguyên	Công ty tự khảo nghiệm	X.Liên Hiệp, H.Đức Trọng, T.Lâm Đồng
6	Đông Nam Bộ	Công ty tự khảo nghiệm	X.Xuân Thới Đông, H.Hóc Môn, TP.Hồ Chí Minh
7	Đồng bằng sông Cửu Long	Công ty tự khảo nghiệm	X.Kiến An, H.Chợ Mới, T.An Giang

Đất phù hợp cho cải xanh là loại đất thịt nhẹ, đất cát pha, tơi xốp, giàu mùn và dinh dưỡng.

**6. Diện tích ô thí nghiệm:** Diện tích ô thí nghiệm là 15 m<sup>2</sup> (10 m x 1,5 m) kể cả rãnh luống. Số lần lặp lại 3 lần theo mẫu ngẫu nhiên

**7. Khoảng cách trồng và lượng hạt giống cho 1 ha:**

STT	Tên Giống	Khoảng cách trồng		Lượng hạt giống cho 1 ha	
		Hàng cách hàng (cm)	Cây cách cây (cm)	Gieo cây (kg) (Nếu có)	Sạ thẳng (kg) (Nếu có)
1	HẠT GIỐNG CẢI BỆ DỪA NO.1	30	25-30	0,4-0,6	
2	HẠT GIỐNG CẢI BỆ DỪA NO.2	30	25-30	0,4-0,6	
3	HẠT GIỐNG CẢI BỆ DỨN PN 812	20	15	0,6-0,8	1-2
4	HẠT GIỐNG CẢI BỆ DỨN PN 912	20	15	0,6-0,8	1-2
5	HẠT GIỐNG CẢI BỆ MÀO GÀ PN 710	20	20-25	0,5-0,7	1-2
6	HẠT GIỐNG CẢI BỆ MÀO GÀ PN 711	20	20-25	0,5-0,7	1-2
7	HẠT GIỐNG CẢI RỒ PN 715	20	15-20	0,8-1	
8	HẠT GIỐNG CẢI LÀN THÂN MẬP PN 03	20	15-20	0,8-1	

**8. Phân bón:** Phân bón cho 1ha đất trồng như sau:

Phân chuồng hoai: 25 - 30m<sup>3</sup> ; phân hữu cơ vi sinh: 1.000 kg; vôi bột: 300-500 kg, tùy theo pH đất canh tác.

Phân vô cơ lượng nguyên chất: 140 kg N – 120 kg P<sub>2</sub>O<sub>5</sub> - 180 kg K<sub>2</sub>O.

**9. Thời gian xuống giống và thu hoạch****Bảng 1 – Thời gian**

Vùng	Ngày gieo	Ngày mọc	Ngày thu hoạch
Trung du miền núi phía Bắc	20/08/2021	25/08/2021	04/10/2021
Đồng bằng sông Hồng	15/08/2021	19/08/2021	30/09/2021
Bắc Trung Bộ	01/08/2021	05/08/2021	15/09/2021
Duyên hải Nam Trung Bộ	03/08/2021	07/08/2021	14/09/2021
Tây Nguyên	14/09/2021	19/09/2021	30/10/2021
Đông Nam Bộ	05/08/2021	08/08/2021	14/09/2021
Đồng Bằng sông Cửu Long	20/08/2021	23/08/2021	27/09/2021

**10. Kết quả khảo nghiệm**

Trong vụ tháng 08-10/2021, điều kiện thời tiết khí hậu khá thuận lợi cho sự sinh trưởng phát triển của các giống.

**Bảng 2 - Tổng hợp một số đặc điểm hình thái**

STT	Tên giống	Dạng cây	Màu sắc bẹ lá	Màu sắc lá	Dạng lá	Chiều cao
1	HẠT GIỐNG CẢI BỆ DƯA NO.1	Đứng	Xanh	Xanh	Tròn	20-30
2	HẠT GIỐNG CẢI BỆ DƯA NO.2	Đứng	Xanh	Xanh	Tròn	20-30
3	HẠT GIỐNG CẢI BỆ DÚN PN 812	Đứng	Xanh nhạt	Xanh	Oval	20-30
4	HẠT GIỐNG CẢI BỆ DÚN PN 912	Đứng	Xanh nhạt	Xanh	Oval	20-30
5	HẠT GIỐNG CẢI BỆ MÀO GÀ PN 710	Đứng	Xanh mỡ	Xanh mỡ	Tròn	20-30
6	HẠT GIỐNG CẢI BỆ MÀO GÀ PN 711	Đứng	Xanh mỡ	Xanh mỡ	Tròn	20-30
7	HẠT GIỐNG CẢI RỎ PN 715	Đứng	Xanh	Xanh	Tròn	30-60
8	HẠT GIỐNG CẢI LÀN THÂN MẬP PN 03	Đứng	Xanh	Xanh	Oval	30-40

**Bảng 3 - Một số đặc điểm sinh trưởng và phát triển chính**

STT	Tên giống	Thời gian từ gieo – mọc (ngày)	TGST (ngày)	Sinh trưởng của cây (1-5)	Sức sống cây con
1	HẠT GIỐNG CẢI BỆ DƯA NO.1	3-4	40 - 50	1	Tốt
2	HẠT GIỐNG CẢI BỆ DƯA NO.2	3-4	40 - 50	1	Tốt
3	HẠT GIỐNG CẢI BỆ DÚN PN 812	3-4	30 - 40	1	Tốt
4	HẠT GIỐNG CẢI BỆ DÚN PN 912	3-4	30 - 40	1	Tốt
5	HẠT GIỐNG CẢI BỆ MÀO GÀ PN 710	3-4	30 - 40	1	Tốt
6	HẠT GIỐNG CẢI BỆ MÀO GÀ PN 711	3-4	30 - 40	1	Tốt
7	HẠT GIỐNG CẢI RỎ PN 715	3-4	40 - 50	1	Tốt
8	HẠT GIỐNG CẢI LÀN THÂN MẬP PN 03	3-4	40 - 50	1	Tốt

Điểm 1: Sinh trưởng rất khỏe; Điểm 3: Sinh trưởng trung bình; Điểm 5: Sinh trưởng yếu

**Bảng 4 - Mức độ nhiễm sâu, bệnh hại chính**

Tên giống	Bệnh hại (thang điểm 1 - 9)				Sâu hại (Thang điểm 1-3)		
	Bệnh thối gốc	Bệnh thối nhũn	Bệnh sươn g mai	Cháy lá	Bọ nhảy	Sâu cuốn lá	Sâu tơ
HẠT GIỐNG CẢI BỆ DƯA NO.1	1	3	1	1	1	1	1
HẠT GIỐNG CẢI BỆ DƯA NO.2	1	1	1	1	1	1	1
HẠT GIỐNG CẢI BỆ DÚN PN 812	1	1	1	1	1	1	1
HẠT GIỐNG CẢI BỆ DÚN PN 912	1	1	1	1	1	1	1
HẠT GIỐNG CẢI BỆ MÀO GÀ PN 710	3	3	1	2	1	1	1
HẠT GIỐNG CẢI BỆ MÀO GÀ PN 711	1	1	1	1	1	1	1
HẠT GIỐNG CẢI RỎ PN 715	1	1	1	1	1	1	1
HẠT GIỐNG CẢI LÀN THÂN MẬP PN 03	1	1	1	1	1	1	1

**Bảng 5 - Khả năng chống chịu ngoài đồng ruộng với điều kiện ngoại cảnh bất thuận (theo thang điểm 1-5)**

STT	Tên giống	Chịu hạn	Chịu nóng	Chịu lạnh
1	HẠT GIỐNG CẢI BỆ DƯA NO.1	1	1	2
2	HẠT GIỐNG CẢI BỆ DƯA NO.2	1	1	1
3	HẠT GIỐNG CẢI BỆ DÚN PN 812	1	1	1
4	HẠT GIỐNG CẢI BỆ DÚN PN 912	1	1	1
5	HẠT GIỐNG CẢI BỆ MÀO GÀ PN 710	1	1	1
6	HẠT GIỐNG CẢI BỆ MÀO GÀ PN 711	1	1	1
7	HẠT GIỐNG CẢI RỎ PN 715	1	1	1
8	HẠT GIỐNG CẢI LÀN THÂN MẬP PN 03	1	1	1

**Bảng 6 - Các yếu tố cấu thành năng suất và năng suất thực thu**

STT	Tên giống	Trọng lượng cây (g)	Năng suất tươi (tấn/ha)
1	HẠT GIỐNG CẢI BỆ DƯA NO.1	300-500	30
2	HẠT GIỐNG CẢI BỆ DƯA NO.2	300-500	28
3	HẠT GIỐNG CẢI BỆ DÚN PN 812	50-120	13.5
4	HẠT GIỐNG CẢI BỆ DÚN PN 912	50-120	14
5	HẠT GIỐNG CẢI BỆ MÀO GÀ PN 710	50-120	20
6	HẠT GIỐNG CẢI BỆ MÀO GÀ PN 711	50-120	21
7	HẠT GIỐNG CẢI RỎ PN 715	50-120	23
8	HẠT GIỐNG CẢI LÀN THÂN MẬP PN 03	50-120	22

### 11. Kết luận và đề nghị

Các giống khảo nghiệm đều đáp ứng được các yêu cầu về giá trị canh tác và giá trị sử dụng do công ty đề ra theo TCCS 03:2021/PNS. Có mức độ sinh trưởng tốt, nhiễm sâu bệnh ít và thích ứng tốt với điều kiện với địa phương nơi khảo nghiệm.

Đề nghị tiến hành khảo nghiệm thêm ở vụ khác và tiến hành mở rộng diện tích gieo trồng để có thể đánh giá chính xác hơn về các đặc tính nông học, chống chịu cũng như năng suất của giống trong điều kiện sản xuất thực tế tại các địa phương.

*Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 12 năm 2022*

**CÔNG TY TNHH GIỐNG CÂY TRỒNG PHÚ NÔNG**

**GIÁM ĐỐC**



*Phan Thị Triều Tâm*



**BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẢO NGHIỆM ĐIỆN HỢP VỤ 2****1. Tên giống khảo nghiệm**

STT	Tên Giống
1	HẠT GIỐNG CẢI BỆ DƯA NO.1
2	HẠT GIỐNG CẢI BỆ DƯA NO.2
3	HẠT GIỐNG CẢI BỆ DÚN PN 812
4	HẠT GIỐNG CẢI BỆ DÚN PN 912
5	HẠT GIỐNG CẢI BỆ MÀO GÀ PN 710
6	HẠT GIỐNG CẢI BỆ MÀO GÀ PN 711
7	HẠT GIỐNG CẢI RỎ PN 715
8	HẠT GIỐNG CẢI LÀN THÂN MẬP PN 03

**2. Số giống khảo nghiệm: 08****3. Vụ:** Tháng 02-05/2021

**4. Phương pháp khảo nghiệm:** Áp dụng Tiêu chuẩn cơ sở TCCS 03:2021/PNS của Công ty TNHH Giống Cây Trồng Phú Nông.

**5. Điểm khảo nghiệm:**

TT	Vùng khảo nghiệm	Cơ sở khảo nghiệm	Địa điểm
1	Trung du miền núi phía Bắc	Công ty tự khảo nghiệm	X.Nghĩa Hòa, H.Lạng Giang, T.Bắc Giang
2	Đồng bằng sông Hồng	Công ty tự khảo nghiệm	P. Võ Cường, TP. Bắc Ninh, T.Bắc Ninh
3	Bắc Trung Bộ	Công ty tự khảo nghiệm	X.Thanh Liên, H.Thanh Chương, T.Nghệ An
4	Duyên hải Nam Trung Bộ	Công ty tự khảo nghiệm	X.Diên Sơn, H.Diên Khánh, T.Khánh Hòa
5	Tây Nguyên	Công ty tự khảo nghiệm	X.Liên Hiệp, H.Đức Trọng, T.Lâm Đồng
6	Đông Nam Bộ	Công ty tự khảo nghiệm	X.Xuân Thới Đông, H.Hóc Môn, TP.Hồ Chí Minh
7	Đồng bằng sông Cửu Long	Công ty tự khảo nghiệm	X.Kiến An, H.Chợ Mới, T.An Giang

Đất phù hợp cho cải xanh là loại đất thịt nhẹ, đất cát pha, tơi xốp, giàu mùn và dinh dưỡng.

**6. Diện tích ô thí nghiệm:** Diện tích ô thí nghiệm là 15 m<sup>2</sup> (10 m x 1,5 m) kể cả rãnh luống. Số lần lặp lại 3 lần theo mẫu ngẫu nhiên

**7. Khoảng cách trồng và lượng hạt giống cho 1 ha:**

STT	Tên Giống	Khoảng cách trồng		Lượng hạt giống cho 1 ha	
		Hàng cách hàng (cm)	Cây cách cây (cm)	Gieo cây (kg) (Nếu có)	Sạ thẳng (kg) (Nếu có)
1	HẠT GIỐNG CẢI BỆ DỪA NO.1	30	25-30	0,4-0,6	
2	HẠT GIỐNG CẢI BỆ DỪA NO.2	30	25-30	0,4-0,6	
3	HẠT GIỐNG CẢI BỆ DỨN PN 812	20	15	0,6-0,8	1-2
4	HẠT GIỐNG CẢI BỆ DỨN PN 912	20	15	0,6-0,8	1-2
5	HẠT GIỐNG CẢI BỆ MÀO GÀ PN 710	20	20-25	0,5-0,7	1-2
6	HẠT GIỐNG CẢI BỆ MÀO GÀ PN 711	20	20-25	0,5-0,7	1-2
7	HẠT GIỐNG CẢI RỒ PN 715	20	15-20	0,8-1	
8	HẠT GIỐNG CẢI LÀN THÂN MẬP PN 03	20	15-20	0,8-1	

**8. Phân bón:** Phân bón cho 1ha đất trồng như sau:

Phân chuồng hoai: 25 - 30m<sup>3</sup> ; phân hữu cơ vi sinh: 1.000 kg; vôi bột: 300-500 kg, tùy theo pH đất canh tác.

Phân vô cơ lượng nguyên chất: 140 kg N – 120 kg P<sub>2</sub>O<sub>5</sub> - 180 kg K<sub>2</sub>O.

**9. Thời gian xuống giống và thu hoạch****Bảng 1 – Thời gian**

Vùng	Ngày gieo	Ngày mọc	Ngày thu hoạch
Trung du miền núi phía Bắc	22/02/2021	27/02/2021	08/04/2021
Đồng bằng sông Hồng	16/02/2021	20/02/2021	03/04/2021
Bắc Trung Bộ	02/02/2021	06/02/2021	19/03/2021
Duyên hải Nam Trung Bộ	04/02/2021	08/02/2021	18/03/2021
Tây Nguyên	18/03/2021	23/03/2021	03/05/2021
Đông Nam Bộ	06/02/2021	09/02/2021	18/03/2021
Đồng Bằng sông Cửu Long	21/02/2021	24/02/2021	31/03/2021

**10. Kết quả khảo nghiệm**

Trong vụ tháng 10-12/2021, điều kiện thời tiết khí hậu khá thuận lợi cho sự sinh trưởng phát triển của các giống rau cải xanh.

**Bảng 2 - Tổng hợp một số đặc điểm hình thái**

STT	Tên giống	Dạng cây	Màu sắc bẹ lá	Màu sắc lá	Dạng lá	Chiều cao cây
1	HẠT GIỐNG CẢI BẸ DƯA NO.1	Đứng	Xanh	Xanh	Tròn	20-30
2	HẠT GIỐNG CẢI BẸ DƯA NO.2	Đứng	Xanh	Xanh	Tròn	20-30
3	HẠT GIỐNG CẢI BẸ DỨN PN 812	Đứng	Xanh nhạt	Xanh	Oval	20-30
4	HẠT GIỐNG CẢI BẸ DỨN PN 912	Đứng	Xanh nhạt	Xanh	Oval	20-30
5	HẠT GIỐNG CẢI BẸ MÀO GÀ PN 710	Đứng	Xanh mỡ	Xanh mỡ	Tròn	20-30
6	HẠT GIỐNG CẢI BẸ MÀO GÀ PN 711	Đứng	Xanh mỡ	Xanh mỡ	Tròn	20-30
7	HẠT GIỐNG CẢI RỎ PN 715	Đứng	Xanh	Xanh	Tròn	30-60
8	HẠT GIỐNG CẢI LÀN THÂN MẬP PN 03	Đứng	Xanh	Xanh	Oval	30-40

**Bảng 3 - Một số đặc điểm sinh trưởng và phát triển chính**

STT	Tên giống	Thời gian từ gieo – mọc (ngày)	TGST (ngày)	Sinh trưởng của cây	Sức sống cây con
1	HẠT GIỐNG CẢI BẸ DƯA NO.1	3-4	40 - 50	1	Tốt
2	HẠT GIỐNG CẢI BẸ DƯA NO.2	3-4	40 - 50	1	Tốt
3	HẠT GIỐNG CẢI BẸ DỨN PN 812	3-4	30 - 40	1	Tốt
4	HẠT GIỐNG CẢI BẸ DỨN PN 912	3-4	30 - 40	1	Tốt
5	HẠT GIỐNG CẢI BẸ MÀO GÀ PN 710	3-4	30 - 40	3	Tốt
6	HẠT GIỐNG CẢI BẸ MÀO GÀ PN 711	3-4	30 - 40	1	Tốt
7	HẠT GIỐNG CẢI RỎ PN 715	3-4	40 - 50	1	Tốt
8	HẠT GIỐNG CẢI LÀN THÂN MẬP PN 03	3-4	40 - 50	1	Tốt

Điểm 1: Sinh trưởng rất khỏe; Điểm 3: Sinh trưởng trung bình; Điểm 5: Sinh trưởng yếu

**Bảng 4 - Mức độ nhiễm sâu, bệnh hại chính**

Tên giống	Bệnh hại (thang điểm 1 - 9)				Sâu hại		
	Bệnh thối gốc	Bệnh thối nhũn	Bệnh sươn g mai	Cháy lá	Bọ nhậy	Sâu cuốn lá	Sâu tơ
HẠT GIỐNG CẢI BỆ DƯA NO.1	1	3	1	1	1	1	1
HẠT GIỐNG CẢI BỆ DƯA NO.2	1	1	1	1	1	1	1
HẠT GIỐNG CẢI BỆ DÚN PN 812	1	1	1	1	1	2	1
HẠT GIỐNG CẢI BỆ DÚN PN 912	1	1	1	1	1	1	1
HẠT GIỐNG CẢI BỆ MÀO GÀ PN 710	3	3	1	2	1	1	1
HẠT GIỐNG CẢI BỆ MÀO GÀ PN 711	1	1	1	1	1	1	1
HẠT GIỐNG CẢI RỎ PN 715	1	1	1	1	1	1	1
HẠT GIỐNG CẢI LÀN THÂN MẬP PN 03	1	1	1	1	2	1	1

**Bảng 5 - Khả năng chống chịu ngoài đồng ruộng với điều kiện ngoại cảnh bất thuận (theo thang điểm 1-5)**

STT	Tên giống	Chịu hạn	Chịu nóng	Chịu lạnh
1	HẠT GIỐNG CẢI BỆ DƯA NO.1	1	1	2
2	HẠT GIỐNG CẢI BỆ DƯA NO.2	1	1	1
3	HẠT GIỐNG CẢI BỆ DÚN PN 812	1	1	1
4	HẠT GIỐNG CẢI BỆ DÚN PN 912	1	1	1
5	HẠT GIỐNG CẢI BỆ MÀO GÀ PN 710	1	2	1
6	HẠT GIỐNG CẢI BỆ MÀO GÀ PN 711	1	1	2
7	HẠT GIỐNG CẢI RỎ PN 715	1	1	1
8	HẠT GIỐNG CẢI LÀN THÂN MẬP PN 03	2	1	2

**Bảng 6 - Các yếu tố cấu thành năng suất và năng suất thực thu**

STT	Tên giống	Trọng lượng cây (g)	Năng suất tươi (tấn/ha)
1	HẠT GIỐNG CẢI BỆ DƯA NO.1	300-500	29.5
2	HẠT GIỐNG CẢI BỆ DƯA NO.2	300-500	29
3	HẠT GIỐNG CẢI BỆ DÚN PN 812	50-120	14
4	HẠT GIỐNG CẢI BỆ DÚN PN 912	50-120	14.5
5	HẠT GIỐNG CẢI BỆ MÀO GÀ PN 710	50-120	20.2
6	HẠT GIỐNG CẢI BỆ MÀO GÀ PN 711	50-120	20.5
7	HẠT GIỐNG CẢI RỎ PN 715	50-120	23.5
8	HẠT GIỐNG CẢI LÀN THÂN MẬP PN 03	50-120	22

## 11. Kết luận và đề nghị

Các giống khảo nghiệm đều đáp ứng được các yêu cầu về giá trị canh tác và giá trị sử dụng do công ty đề ra theo TCCS 03:2021/PNS. Có mức độ sinh trưởng tốt, nhiễm sâu bệnh ít và thích ứng tốt với điều kiện với địa phương nơi khảo nghiệm.

Đề nghị tiến hành khảo nghiệm thêm ở vụ khác và tiến hành mở rộng diện tích gieo trồng để có thể đánh giá chính xác hơn về các đặc tính nông học, chống chịu cũng như năng suất của giống trong điều kiện sản xuất thực tế tại các địa phương.

*Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 12 năm 2022*

**CÔNG TY TNHH GIỐNG CÂY TRỒNG PHÚ NÔNG**

**GIÁM ĐỐC**



*Phan Thị Triều Tâm*



**BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẢO NGHIỆM ĐIỆN HỢP VỤ 3****1. Tên giống khảo nghiệm:**

STT	Tên Giống
1	HẠT GIỐNG CẢI BỆ DƯA NO.1
2	HẠT GIỐNG CẢI BỆ DƯA NO.2
3	HẠT GIỐNG CẢI BỆ DÚN PN 812
4	HẠT GIỐNG CẢI BỆ DÚN PN 912
5	HẠT GIỐNG CẢI BỆ MÀO GÀ PN 710
6	HẠT GIỐNG CẢI BỆ MÀO GÀ PN 711
7	HẠT GIỐNG CẢI RỎ PN 715
8	HẠT GIỐNG CẢI LÀN THÂN MẬP PN 03

**2. Số giống khảo nghiệm: 08**

3. Vụ: Tháng 08-10/2022

4. Phương pháp khảo nghiệm: Áp dụng Tiêu chuẩn cơ sở TCCS 03:2021/Phú Nông của Công ty TNHH Giống Cây Trồng Phú Nông.

**5. Điểm khảo nghiệm:**

TT	Vùng khảo nghiệm	Cơ sở khảo nghiệm	Địa điểm
1	Trung du miền núi phía Bắc	Công ty tự khảo nghiệm	X.Nghĩa Hòa. H.Lạng Giang. T.Bắc Giang
2	Đồng bằng sông Hồng	Công ty tự khảo nghiệm	P. Võ Cường. TP. Bắc Ninh. T.Bắc Ninh
3	Bắc Trung Bộ	Công ty tự khảo nghiệm	X.Thanh Liên. H.Thanh Chương. T.Nghệ An
4	Duyên hải Nam Trung Bộ	Công ty tự khảo nghiệm	X.Diên Sơn. H.Diên Khánh. T.Khánh Hòa
5	Tây Nguyên	Công ty tự khảo nghiệm	X.Liên Hiệp. H.Đức Trọng. T.Lâm Đồng
6	Đông Nam Bộ	Công ty tự khảo nghiệm	X.Xuân Thới Đông. H.Hóc Môn. TP.Hồ Chí Minh
7	Đồng bằng sông Cửu Long	Công ty tự khảo nghiệm	X.Kiến An. H.Chợ Mới. T.An Giang

Đất phù hợp cho cải xanh là loại đất thịt nhẹ, đất cát pha, tơi xốp, giàu mùn và dinh dưỡng.

6. Diện tích ô thí nghiệm: Diện tích ô thí nghiệm là 15 m<sup>2</sup> (10 m x 1.5 m) kể cả rãnh luống. Số lần lặp lại 3 lần theo mẫu ngẫu nhiên

**7. Khoảng cách trồng và lượng hạt giống cho 1 ha:**

STT	Tên Giống	Khoảng cách trồng		Lượng hạt giống cho 1 ha	
		Hàng cách hàng (cm)	Cây cách cây (cm)	Gieo cây (kg) (Nếu có)	Sạ thẳng (kg) (Nếu có)
1	HẠT GIỐNG CẢI BỆ DƯA NO.1	30	25-30	0,4-0,6	
2	HẠT GIỐNG CẢI BỆ DƯA NO.2	30	25-30	0,4-0,6	
3	HẠT GIỐNG CẢI BỆ DỨN PN 812	20	15	0,6-0,8	1-2
4	HẠT GIỐNG CẢI BỆ DỨN PN 912	20	15	0,6-0,8	1-2
5	HẠT GIỐNG CẢI BỆ MÀO GÀ PN 710	20	20-25	0,5-0,7	1-2
6	HẠT GIỐNG CẢI BỆ MÀO GÀ PN 711	20	20-25	0,5-0,7	1-2
7	HẠT GIỐNG CẢI RỒ PN 715	20	15-20	0,8-1	
8	HẠT GIỐNG CẢI LÀN THÂN MẬP PN 03	20	15-20	0,8-1	

**8. Phân bón:** Phân bón cho 1ha đất trồng như sau

Phân chuồng hoai: 25 - 30m<sup>3</sup> ; phân hữu cơ vi sinh: 1.000 kg; vôi bột: 300-500 kg, tùy theo pH đất canh tác.

Phân vô cơ lượng nguyên chất: 140 kg N – 120 kg P2O5 - 180 kg K2O.

**9. Thời gian xuống giống và thu hoạch****Bảng 1 – Thời gian**

Vùng	Ngày gieo	Ngày mọc	Ngày thu hoạch
Trung du miền núi phía Bắc	20/08/2022	23/08/2022	05/10/2022
Đồng bằng sông Hồng	15/08/2022	19/08/2022	30/09/2022
Bắc Trung Bộ	01/08/2022	05/08/2022	17/09/2022
Duyên hải Nam Trung Bộ	03/08/2022	08/08/2022	14/09/2022
Tây Nguyên	14/09/2022	19/09/2022	30/10/2022
Đông Nam Bộ	05/08/2022	09/08/2022	15/09/2022
Đồng Bằng sông Cửu Long	20/08/2022	23/08/2021	25/09/2022

**10. Kết quả khảo nghiệm****Bảng 2 - Tổng hợp một số đặc điểm hình thái**

STT	Tên giống	Dạng cây	Màu sắc bẹ lá	Màu sắc lá	Dạng lá	Chiều cao cây
1	HẠT GIỐNG CẢI BỆ DỪA NO.1	Đứng	Xanh	Xanh	Tròn	20-30
2	HẠT GIỐNG CẢI BỆ DỪA NO.2	Đứng	Xanh	Xanh	Tròn	20-30
3	HẠT GIỐNG CẢI BỆ DỨN PN 812	Đứng	Xanh nhạt	Xanh	Oval	20-30
4	HẠT GIỐNG CẢI BỆ DỨN PN 912	Đứng	Xanh nhạt	Xanh	Oval	20-30
5	HẠT GIỐNG CẢI BỆ MÀO GÀ PN 710	Đứng	Xanh mỡ	Xanh mỡ	Tròn	20-30
6	HẠT GIỐNG CẢI BỆ MÀO GÀ PN 711	Đứng	Xanh mỡ	Xanh mỡ	Tròn	20-30
7	HẠT GIỐNG CẢI RỎ PN 715	Đứng	Xanh	Xanh	Tròn	30-60
8	HẠT GIỐNG CẢI LÀN THÂN MẬP PN 03	Đứng	Xanh	Xanh	Oval	30-40

**Bảng 3 - Một số đặc điểm sinh trưởng và phát triển chính**

STT	Tên giống	Thời gian từ gieo – mọc (ngày)	TGST (ngày)	Sinh trưởng của cây	Sức sống cây con
1	HẠT GIỐNG CẢI BỆ DỪA NO.1	3-4	40 - 50	1	Tốt
2	HẠT GIỐNG CẢI BỆ DỪA NO.2	3-4	40 - 50	1	Tốt
3	HẠT GIỐNG CẢI BỆ DỨN PN 812	3-4	30 - 40	1	Tốt
4	HẠT GIỐNG CẢI BỆ DỨN PN 912	3-4	30 - 40	1	Tốt
5	HẠT GIỐNG CẢI BỆ MÀO GÀ PN 710	3-4	30 - 40	3	Tốt
6	HẠT GIỐNG CẢI BỆ MÀO GÀ PN 711	3-4	30 - 40	1	Tốt
7	HẠT GIỐNG CẢI RỎ PN 715	3-4	40 - 50	1	Tốt
8	HẠT GIỐNG CẢI LÀN THÂN MẬP PN 03	3-4	40 - 50	1	Tốt

Điểm 1: Sinh trưởng rất khỏe; Điểm 3: Sinh trưởng trung bình; Điểm 5: Sinh trưởng yếu

**Bảng 4 - Mức độ nhiễm sâu, bệnh hại chính**

Tên giống	Bệnh hại (thang điểm 1 - 9)				Sâu hại		
	Bệnh thối gốc	Bệnh thối nhũn	Bệnh sươn g mai	Cháy lá	Bọ nhậy	Sâu cuốn lá	Sâu tơ
HẠT GIỐNG CẢI BỆ DƯA NO.1	1	3	1	1	1	1	1
HẠT GIỐNG CẢI BỆ DƯA NO.2	1	1	1	1	1	1	1
HẠT GIỐNG CẢI BỆ DÚN PN 812	1	1	1	1	1	2	1
HẠT GIỐNG CẢI BỆ DÚN PN 912	1	1	1	1	1	1	1
HẠT GIỐNG CẢI BỆ MÀO GÀ PN 710	3	3	1	2	1	1	1
HẠT GIỐNG CẢI BỆ MÀO GÀ PN 711	1	1	1	1	1	1	1
HẠT GIỐNG CẢI RỎ PN 715	1	1	1	1	1	1	1
HẠT GIỐNG CẢI LÀN THÂN MẬP PN 03	1	1	1	1	2	1	1

**Bảng 5 - Khả năng chống chịu ngoài đồng ruộng với điều kiện ngoại cảnh bất thuận (theo thang điểm 1-5)**

STT	Tên giống	Chịu hạn	Chịu nóng	Chịu lạnh
1	HẠT GIỐNG CẢI BỆ DƯA NO.1	1	1	2
2	HẠT GIỐNG CẢI BỆ DƯA NO.2	1	1	1
3	HẠT GIỐNG CẢI BỆ DÚN PN 812	1	1	1
4	HẠT GIỐNG CẢI BỆ DÚN PN 912	1	1	1
5	HẠT GIỐNG CẢI BỆ MÀO GÀ PN 710	1	2	1
6	HẠT GIỐNG CẢI BỆ MÀO GÀ PN 711	1	1	2
7	HẠT GIỐNG CẢI RỎ PN 715	1	1	1
8	HẠT GIỐNG CẢI LÀN THÂN MẬP PN 03	2	1	2

**Bảng 6 - Các yếu tố cấu thành năng suất và năng suất thực thu**

STT	Tên giống	Trọng lượng cây (g)	Năng suất tươi (tấn/ha)
1	HẠT GIỐNG CẢI BỆ DƯA NO.1	300-500	30
2	HẠT GIỐNG CẢI BỆ DƯA NO.2	300-500	28
3	HẠT GIỐNG CẢI BỆ DÚN PN 812	50-120	13.5
4	HẠT GIỐNG CẢI BỆ DÚN PN 912	50-120	14
5	HẠT GIỐNG CẢI BỆ MÀO GÀ PN 710	50-120	20
6	HẠT GIỐNG CẢI BỆ MÀO GÀ PN 711	50-120	21
7	HẠT GIỐNG CẢI RỎ PN 715	50-120	23
8	HẠT GIỐNG CẢI LÀN THÂN MẬP PN 03	50-120	22





**BÁO CÁO KẾT QUẢ DIỆN RỘNG VỤ 1****1, Tên giống khảo nghiệm:**

STT	Tên Giống
1	HẠT GIỐNG CẢI BỆ DƯA NO.1
2	HẠT GIỐNG CẢI BỆ DƯA NO.2
3	HẠT GIỐNG CẢI BỆ DÚN PN 812
4	HẠT GIỐNG CẢI BỆ DÚN PN 912
5	HẠT GIỐNG CẢI BỆ MÀO GÀ PN 710
6	HẠT GIỐNG CẢI BỆ MÀO GÀ PN 711
7	HẠT GIỐNG CẢI RỎ PN 715
8	HẠT GIỐNG CẢI LÀN THÂN MẬP PN 03

**2, Số giống khảo nghiệm: 08****3, Vụ: Tháng 08-10/2021****4, Phương pháp khảo nghiệm: Áp dụng TCCS 03:2021/PNS của Công ty TNHH Giống Cây Trồng Phú Nông,****5, Điểm khảo nghiệm:**

TT	Vùng khảo nghiệm	Cơ sở khảo nghiệm	Địa điểm
1	Trung du miền núi phía Bắc	Công ty tự khảo nghiệm	X,Nghĩa Hòa, H,Lạng Giang, T,Bắc Giang
2	Đồng bằng sông Hồng	Công ty tự khảo nghiệm	P, Võ Cường, TP, Bắc Bình, T,Bắc Ninh
3	Bắc Trung Bộ	Công ty tự khảo nghiệm	X,Thanh Liên, H,Thanh Chương, T,Nghệ An
4	Duyên hải Nam Trung Bộ	Công ty tự khảo nghiệm	X,Diên Sơn, H,Diên Khánh, T,Khánh Hòa
5	Tây Nguyên	Công ty tự khảo nghiệm	X,Liên Hiệp, H,Đức Trọng, T,Lâm Đồng
6	Đông Nam Bộ	Công ty tự khảo nghiệm	X,Xuân Thới Đông, H,Hóc Môn, TP,Hồ Chí Minh
7	Đồng bằng sông Cửu Long	Công ty tự khảo nghiệm	X,Kiến An, H,Chợ Mới, T,An Giang

Đất phù hợp cho cải xanh là loại đất thịt nhẹ, đất cát pha, tơi xốp, giàu mùn và dinh dưỡng,

**6. Diện tích ô thí nghiệm:** Diện tích ô thí nghiệm là 300 m<sup>2</sup> cho mỗi giống không lặp lại

**7. Khoảng cách trồng và lượng hạt giống cho 1 ha:**

STT	Tên Giống	Khoảng cách trồng		Lượng hạt giống cho 1 ha	
		Hàng cách hàng (cm)	Cây cách cây (cm)	Gieo cây (kg) (Nếu có)	Sạ thẳng (kg) (Nếu có)
1	HẠT GIỐNG CẢI BỆ DƯA NO.1	30	25-30	0,4-0,6	
2	HẠT GIỐNG CẢI BỆ DƯA NO.2	30	25-30	0,4-0,6	
3	HẠT GIỐNG CẢI BỆ DỨN PN 812	20	15	0,6-0,8	1-2
4	HẠT GIỐNG CẢI BỆ DỨN PN 912	20	15	0,6-0,8	1-2
5	HẠT GIỐNG CẢI BỆ MÀO GÀ PN 710	20	20-25	0,5-0,7	1-2
6	HẠT GIỐNG CẢI BỆ MÀO GÀ PN 711	20	20-25	0,5-0,7	1-2
7	HẠT GIỐNG CẢI RỔ PN 715	20	15-20	0,8-1	
8	HẠT GIỐNG CẢI LÀN THÂN MẬP PN 03	20	15-20	0,8-1	

**8. Phân bón:** Phân bón cho 1ha đất trồng như sau

Phân chuồng hoai: 25 - 30m<sup>3</sup> ; phân hữu cơ vi sinh: 1.000 kg; vôi bột: 300-500 kg, tùy theo pH đất canh tác.

Phân vô cơ lượng nguyên chất: 140 kg N – 120 kg P<sub>2</sub>O<sub>5</sub> - 180 kg K<sub>2</sub>O.

**9. Tóm tắt tình hình thời tiết và sâu bệnh hại chính:**

Trong vụ tháng 08-10/2021, điều kiện thời tiết khí hậu khá thuận lợi cho sự sinh trưởng phát triển của giống. Tuy nhiên lượng mưa cục bộ tại một vài địa phương vào giai đoạn mới trồng.

Các giống cải xanh tham gia khảo nghiệm nhiễm nhẹ bệnh thối nhũn và cháy lá, không bị sương mai gây hại, bọ nhảy và sâu tơ gây hại ở mức thấp,

**10. Kết quả về thời gian****Bảng 1 – Thời gian**

Vùng	Ngày gieo	Ngày mọc	Ngày thu hoạch
Trung du miền núi phía Bắc	20/08/2021	25/08/2021	04/10/2021
Đồng bằng sông Hồng	15/08/2021	19/08/2021	30/09/2021
Bắc Trung Bộ	01/08/2021	05/08/2021	15/09/2021
Duyên hải Nam Trung Bộ	03/08/2021	07/08/2021	14/09/2021
Tây Nguyên	14/09/2021	19/09/2021	30/10/2021
Đông Nam Bộ	05/08/2021	08/08/2021	14/09/2021
Đồng Bằng sông Cửu Long	20/08/2021	23/08/2021	27/09/2021

**11. Kết quả diện rộng**

STT	Tên giống	Thời gian thu hoạch	Năng suất (tấn/ha)
1	HẠT GIỐNG CẢI BÈ DỪA NO.1	40 - 50	2 9
2	HẠT GIỐNG CẢI BÈ DỪA NO.2	40 - 50	2 8.5
3	HẠT GIỐNG CẢI BÈ DÚN PN 812	30 - 40	1 3.5
4	HẠT GIỐNG CẢI BÈ DÚN PN 912	30 - 40	1 4
5	HẠT GIỐNG CẢI BÈ MÀO GÀ PN 710	30 - 40	2 0.5
6	HẠT GIỐNG CẢI BÈ MÀO GÀ PN 711	30 - 40	2 1
7	HẠT GIỐNG CẢI RỎ PN 715	40 - 50	2 3
8	HẠT GIỐNG CẢI LÀN THÂN MẬP PN 03	40 - 50	2 1

**12. Kết luận và đề nghị**

Các giống khảo nghiệm đều đáp ứng được các yêu cầu về giá trị canh tác và giá trị sử dụng do công ty đề ra theo TCCS 03:2021/PNS. Có mức độ sinh trưởng tốt, nhiễm sâu bệnh ít và thích ứng tốt với điều kiện với địa phương nơi khảo nghiệm.

Đề nghị tiến hành khảo nghiệm thêm ở vụ khác và tiến hành mở rộng diện tích gieo trồng để có thể đánh giá chính xác hơn về các đặc tính nông học, chống chịu cũng như năng suất của giống trong điều kiện sản xuất thực tế tại các địa phương.

Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 12 năm 2022

**CÔNG TY TNHH GIỐNG CÂY TRỒNG PHÚ NÔNG**

**GIÁM ĐỐC**



*Phan Thị Triều Tâm*



**BÁO CÁO KẾT QUẢ DIỆN RỘNG VỤ 2****1, Tên giống khảo nghiệm:**

STT	Tên Giống
1	HẠT GIỐNG CẢI BỆ DƯA NO.1
2	HẠT GIỐNG CẢI BỆ DƯA NO.2
3	HẠT GIỐNG CẢI BỆ DÚN PN 812
4	HẠT GIỐNG CẢI BỆ DÚN PN 912
5	HẠT GIỐNG CẢI BỆ MÀO GÀ PN 710
6	HẠT GIỐNG CẢI BỆ MÀO GÀ PN 711
7	HẠT GIỐNG CẢI RỎ PN 715
8	HẠT GIỐNG CẢI LÀN THÂN MẬP PN 03

**2. Số giống khảo nghiệm: 08****3. Vụ: Tháng 02-05/2022****4. Phương pháp khảo nghiệm:** Áp dụng TCCS 03:2021/PNS của Công ty TNHH Giống Cây Trồng Phú Nông,**5. Điểm khảo nghiệm:**

TT	Vùng khảo nghiệm	Cơ sở khảo nghiệm	Địa điểm
1	Trung du miền núi phía Bắc	Công ty tự khảo nghiệm	X,Nghĩa Hòa, H,Lạng Giang, T,Bắc Giang
2	Đồng bằng sông Hồng	Công ty tự khảo nghiệm	P, Võ Cường, TP, Bắc Bình, T,Bắc Ninh
3	Bắc Trung Bộ	Công ty tự khảo nghiệm	X,Thanh Liên, H,Thanh Chương, T,Nghệ An
4	Duyên hải Nam Trung Bộ	Công ty tự khảo nghiệm	X,Diên Sơn, H,Diên Khánh, T,Khánh Hòa
5	Tây Nguyên	Công ty tự khảo nghiệm	X,Liên Hiệp, H,Đức Trọng, T,Lâm Đồng
6	Đông Nam Bộ	Công ty tự khảo nghiệm	X,Xuân Thới Đông, H,Hóc Môn, TP,Hồ Chí Minh
7	Đồng bằng sông Cửu Long	Công ty tự khảo nghiệm	X,Kiến An, H,Chợ Mới, T,An Giang

Đất phù hợp cho cải xanh là loại đất thịt nhẹ, đất cát pha, tơi xốp, giàu mùn và dinh dưỡng,

**6. Diện tích ô thí nghiệm:** Diện tích ô thí nghiệm là 300 m<sup>2</sup> cho mỗi giống không lặp lại

**7. Khoảng cách trồng và lượng hạt giống cho 1 ha:**

STT	Tên Giống	Khoảng cách trồng		Lượng hạt giống cho 1 ha	
		Hàng cách hàng (cm)	Cây cách cây (cm)	Gieo cây (kg) (Nếu có)	Sạ thẳng (kg) (Nếu có)
1	HẠT GIỐNG CẢI BỆ DỪA NO.1	30	25-30	0,4-0,6	
2	HẠT GIỐNG CẢI BỆ DỪA NO.2	30	25-30	0,4-0,6	
3	HẠT GIỐNG CẢI BỆ DỨN PN 812	20	15	0,6-0,8	1-2
4	HẠT GIỐNG CẢI BỆ DỨN PN 912	20	15	0,6-0,8	1-2
5	HẠT GIỐNG CẢI BỆ MÀO GÀ PN 710	20	20-25	0,5-0,7	1-2
6	HẠT GIỐNG CẢI BỆ MÀO GÀ PN 711	20	20-25	0,5-0,7	1-2
7	HẠT GIỐNG CẢI RỔ PN 715	20	15-20	0,8-1	
8	HẠT GIỐNG CẢI LÀN THÂN MẬP PN 03	20	15-20	0,8-1	

**8. Phân bón:** Phân bón cho 1ha đất trồng như sau

Phân chuồng hoai: 25 - 30m<sup>3</sup> ; phân hữu cơ vi sinh: 1.000 kg; vôi bột: 300-500 kg, tùy theo pH đất canh tác.

Phân vô cơ lượng nguyên chất: 140 kg N – 120 kg P<sub>2</sub>O<sub>5</sub> - 180 kg K<sub>2</sub>O.

**9. Tóm tắt tình hình thời tiết và sâu bệnh hại chính:**

Trong vụ tháng 02-06/2022, điều kiện thời tiết khí hậu khá thuận lợi cho sự sinh trưởng phát triển của Cải xanh BULL 89, Tuy nhiên lượng mưa cục bộ tại một vài địa phương vào giai đoạn mới trồng.

Các giống cải xanh tham gia khảo nghiệm nhiễm nhẹ bệnh thối nhũn và cháy lá, không bị sương mai gây hại, bọ nhảy và sâu tơ gây hại ở mức thấp,

**10. Kết quả về thời gian****Bảng 1 – Thời gian**

Vùng	Ngày gieo	Ngày mọc	Ngày thu hoạch
Trung du miền núi phía Bắc	20/02/2022	24/02/2022	28/03/2022
Đồng bằng sông Hồng	02/03/2022	05/03/2022	08/04/2022
Bắc Trung Bộ	10/02/2022	13/02/2022	18/03/2022
Duyên hải Nam Trung Bộ	20/03/2022	23/03/2022	24/04/2022
Tây Nguyên	19/03/2022	23/03/2022	25/04/2022
Đông Nam Bộ	07/04/2022	10/04/2022	10/05/2022
Đồng Bằng sông Cửu Long	16/04/2022	19/04/2022	16/05/2022

**11. Kết quả diện rộng**

STT	Tên giống	Thời gian thu hoạch	Năng suất (tấn/ha)
1	HẠT GIỐNG CẢI BỆ DƯA NO.1	40 - 50	2 9
2	HẠT GIỐNG CẢI BỆ DƯA NO.2	40 - 50	2 8
3	HẠT GIỐNG CẢI BỆ DỨN PN 812	30 - 40	1 3.2
4	HẠT GIỐNG CẢI BỆ DỨN PN 912	30 - 40	1 4
5	HẠT GIỐNG CẢI BỆ MÀO GÀ PN 710	30 - 40	2 0
6	HẠT GIỐNG CẢI BỆ MÀO GÀ PN 711	30 - 40	2 0.4
7	HẠT GIỐNG CẢI RỎ PN 715	40 - 50	2 2.7
8	HẠT GIỐNG CẢI LÀN THÂN MẬP PN 03	40 - 50	2 0.5

**12. Kết luận và đề nghị**

Các giống khảo nghiệm đều đáp ứng được các yêu cầu về giá trị canh tác và giá trị sử dụng do công ty đề ra theo TCCS 03:2021/PNS. Có mức độ sinh trưởng tốt, nhiễm sâu bệnh ít và thích ứng tốt với điều kiện với địa phương nơi khảo nghiệm.

Đề nghị công ty được phép tự công bố lưu hành giống theo quy định

*Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 12 năm 2022*

**CÔNG TY TNHH GIỐNG CÂY TRỒNG PHÚ NÔNG**

**GIÁM ĐỐC**



*Phan Thị Triều Tâm*



**BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẢO NGHIỆM CÓ KIỂM SOÁT****I. Thông tin chung****1. Tên giống khảo nghiệm:**

STT	Tên Giống
1	HẠT GIỐNG CẢI BỆ DỪA NO.1
2	HẠT GIỐNG CẢI BỆ DỪA NO.2
3	HẠT GIỐNG CẢI BỆ DÚN PN 812
4	HẠT GIỐNG CẢI BỆ DÚN PN 912
5	HẠT GIỐNG CẢI BỆ MÀO GÀ PN 710
6	HẠT GIỐNG CẢI BỆ MÀO GÀ PN 711
7	HẠT GIỐNG CẢI RỎ PN 715
8	HẠT GIỐNG CẢI LÀN THÂN MẬP PN 03

**2. Địa điểm khảo nghiệm:** Củ Chi, TP. HCM**3. Vụ:** Tháng 04-06/2022**4. Phương pháp khảo nghiệm:** Áp dụng TCCS 03:2021/PNS của Công ty TNHH Giống Cây Trồng Phú Nông.

- **Bố trí thí nghiệm:** Mỗi giống trồng 15 cây trong chậu nhựa có chứa hỗn hợp đất trồng gồm 30% phân chuồng hoai mục, 10% trấu hun, 60% đất thịt nhẹ, Chậu có kích thước 35x25 cm, thành cao 15-20 cm, Mỗi chậu trồng 5 cây, 3 lần nhắc lại, Trồng và chăm sóc bình thường, khi cây ở giai đoạn 15-16 ngày sau gieo thì tiến hành quá trình ngắt tưới và để hạn; theo dõi và mô tả thiệt hại của cây sau:

- Sau để hạn không tưới 1 ngày đầu
- Sau để hạn không tưới đến 2 ngày,
- Sau để hạn không tưới đến 3 ngày,

Tiến hành quan sát và đánh giá mức độ héo của cây, thời gian đánh giá 1 lần/ngày, vào 13-15h00 trong ngày; quan sát các thời gian khác bổ sung,

**5. Ngày gieo:** 16/04/2022 **Ngày mọc:** 19/04/2022 **Ngày đánh giá:** 04-07/05/2022**II. Kết quả khảo nghiệm:****Kết quả của khảo nghiệm tính chống chịu hạn**

STT	Tên Giống	1 ngày sau để không tưới, Điểm đánh giá 1,3,5,7,9	2 ngày sau để không tưới, Điểm đánh giá 1,3,5,7,9	3 ngày sau để không tưới, Điểm đánh giá: 1,3,5,7,9
1	HẠT GIỐNG CẢI BỆ DỪA NO.1	1	3	7
2	HẠT GIỐNG CẢI BỆ DỪA NO.2	1	1	5
3	HẠT GIỐNG CẢI BỆ DÚN PN 812	1	3	7
4	HẠT GIỐNG CẢI BỆ DÚN PN 912	1	1	5
5	HẠT GIỐNG CẢI BỆ MÀO GÀ PN 710	1	3	7
6	HẠT GIỐNG CẢI BỆ MÀO GÀ PN 711	1	3	7
7	HẠT GIỐNG CẢI RỎ PN 715	1	3	7
8	HẠT GIỐNG CẢI LÀN THÂN MẬP PN 03	1	1	5

**II. Kết luận**

Các giống tham gia khảo nghiệm có khả năng phát triển khá tốt trong điều kiện hạn của thí nghiệm kiểm soát 1 ngày không tưới, ở giai đoạn 2 ngày không tưới các giống đều có cây có lá bị quăn lại, rễ bị tổn thương.

TP, HCM, ngày 01 tháng 12 năm 2022

**CÔNG TY TNHH GIỐNG CÂY TRỒNG PHÚ NÔNG**

**GIÁM ĐỐC**



*Phan Thị Triều Tâm*